

Số: **09/2022/QĐST-VDS**

Gia Nghĩa, ngày 05 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Yến.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên họp: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-VDS ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2022/QĐST-VDS ngày 23 tháng 8 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Cao Ngọc Ch; địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Ng; địa chỉ: Tổ 3, phường P, thành phố N, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Anh Cao Ngọc Ch và chị Nguyễn Thị Ng là vợ chồng, Ch sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Trước đây anh chị Ch sống tại thôn Hồ Đại La, thị trấn N, tỉnh Đắk Lắk (Tổ dân phố 3, phường P, thành phố N, tỉnh Đắk Nông). Sau đó, đến năm 1994 thì anh chị sống ly thân và chị Nguyễn Thị Ng tự ý bỏ nhà đi biệt tích cho tới nay không rõ tung tích. Anh Cao Ngọc Ch và gia đình đã cố gắng tìm kiếm thông tin của chị Ng bằng mọi cách nhưng không ai biết chị đi đâu, làm gì.

Ngày 16/3/2022, anh Cao Ngọc Ch có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Nguyễn Thị Ng mất tích để có căn cứ giải quyết ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Đây là yêu cầu “*Tuyên bố một người mất tích*”, người bị yêu cầu tuyên bố mất tích có nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ 3, phường P, thành phố N, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa. Đơn yêu cầu của anh Cao Ngọc Ch đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 387 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Anh Cao Ngọc Ch và chị Nguyễn Thị Ng chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn Hồ Đại La, thị trấn N, tỉnh Đắk Lắk (Tổ dân phố 3, phường P, thành phố N, tỉnh Đắk Nông). Sau đó, đến năm 1994 thì anh chị sống ly thân và chị Nguyễn Thị Ng tự ý bỏ nhà đi biệt tích cho tới nay không rõ tung tích. Anh Cao Ngọc Ch và gia đình đã cố gắng tìm kiếm thông tin của chị Ng bằng mọi cách nhưng không ai biết chị đi đâu, làm gì.

Qua xác minh tại Công an phường Nghĩa Phú thể hiện: Chị Nguyễn Thị Ng trước đây có sinh sống tại thôn Hồ Đại La, thị trấn N, tỉnh Đắk Lắk (nay là tổ dân phố 3, phường P, thành phố N, tỉnh Đắk Nông); khoảng năm 1994 bỏ đi khỏi địa phương không khai báo với chính quyền quản lý, hiện không ai biết chị đi đâu, làm gì.

Tính đến nay chị Nguyễn Thị Ng đã biệt tích hơn hai năm liền, không có tin tức là chị còn sống hay đã chết. Đồng thời anh Cao Ngọc Ch đã áp dụng đầy đủ các biện pháp tìm kiếm, tại Quyết định số 08/2021/QĐST-VDS ngày 23/12/2021 Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Ng. Tòa án đã tiến hành thủ tục công bố Thông báo tìm kiếm người mất tích theo quy định tại Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đăng trong ba số liên tiếp của Báo Công lý và được phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp nhưng không có kết quả tìm kiếm đối với chị Ng. Vì vậy, yêu cầu của anh Cao Ngọc Ch là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Về quản lý tài sản: Anh Cao Ngọc Ch không yêu cầu gì về quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị Ng, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ việc đến khi mở phiên họp đều theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa căn cứ khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 39; Điều 387; Điều 388; Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu của anh Cao Ngọc Ch, tuyên bố chị Nguyễn Thị Ng mất tích.

[3]. Về lệ phí: Anh Cao Ngọc Ch phải chịu lệ phí và các chi phí yêu cầu thông báo theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 387; Điều 388; Điều 389; Điều 390 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Cao Ngọc Ch:

Tuyên bố:

Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1971; nơi cư trú cuối cùng: Tổ 3, phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông mất tích.

Người bị Tòa án tuyên bố mất tích trở về hoặc người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Cao Ngọc Ch phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0006205 ngày 22/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày (mười lăm), kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Người yêu cầu;
- Người liên quan;
- Công TT điện tử TAND;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(đã ký tên đóng dấu)

Nguyễn Thị Yến

ấn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thành phố, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thành phố, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm.....”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỢP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”